



# DỊCH THUẬT CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC HUYỀN ẢO Ở VIỆT NAM – NHỮNG THÀNH TỰU VÀ ĐIỂM NHẤN

**Phan Tuấn Anh**

Trường Đại học Khoa học – Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

**Tóm tắt.** Từ 1986 đến nay, văn học Việt Nam bước sang giai đoạn Đổi mới. Một trong những thành tựu và động lực cách tân văn học giai đoạn này là quá trình tiếp nhận chủ nghĩa hiện thực huyền ảo. Dịch thuật có vai trò cực kỳ quan trọng trong quá trình tiếp nhận chủ nghĩa hiện thực huyền ảo cũng như mọi trào lưu văn học phương Tây khác. Dịch thuật là chất xúc tác, môi giới đầu tiên để bạn đọc và nhà văn Việt Nam biết đến trào lưu hiện thực huyền ảo trên thế giới. Bài viết này khảo cứu tiến trình dịch thuật các tác phẩm hiện thực huyền ảo ở Việt Nam từ thập niên 60 thế kỷ XX cho đến nay, bao gồm những dịch giả và tác phẩm dịch quan trọng. Thông qua quá trình khảo cứu này, bài viết làm rõ những ưu điểm và thành tựu đáng chú ý lẫn những cơ hội đã bị bỏ lỡ. Những sự cố dịch thuật liên quan đến bối cảnh văn hóa và cơ chế quản lý văn học của quá khứ cũng được bài viết quan tâm phân tích. Tất cả những yếu tố trên đều liên đới đến những điều kiện xuất bản mới hình thành cuối thế kỷ XX.

**Từ khóa.** chủ nghĩa hiện thực huyền ảo, dịch thuật, văn học Việt Nam Đổi mới

## 1. Dịch thuật chủ nghĩa hiện thực huyền ảo ở Việt Nam – những tiền đề trước Đổi mới

Dịch thuật những tác phẩm thuộc chủ nghĩa hiện thực huyền ảo ở Việt Nam có một lịch sử nhiều thăng trầm và giai đoạn khác nhau. Quá trình ấy ghi dấu chân của biết bao dịch giả tâm huyết, chấp nhận lặng thầm hi sinh như Đào Xuân Quý, Đặng Thế Bính, Vũ Cận, Huy Phương, Ngô Vĩnh Viễn, Nguyễn Mạnh Tú, Đoàn Đình Ca, Xuân Diệu... đặc biệt là Nguyễn Trung Đức. Nghiên cứu về tiến trình dịch thuật này không chỉ mở ra hiểu biết về tiếp nhận văn học hiện thực huyền ảo ở Việt Nam mà còn giúp chúng ta có cái nhìn khái quát về nền văn học nước nhà đương đại. Dịch thuật tác phẩm hiện thực huyền ảo ở Việt Nam, được mở màn bằng việc dịch những tác gia thuộc khu vực Mỹ Latin (sau này mới mở rộng ra tác gia Anh, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản), có một lịch sử bắt đầu khá sớm, ngay từ trước khi Đổi mới khai màn. Từ những năm thuộc thập niên 1960, theo Lữ Huy Nguyên, văn học Mỹ La tin đã được dịch và giới thiệu ở Việt Nam như *Thơ Pablo Neruda* do Đào Xuân Quý dịch [Nxb. Văn học, Hà Nội, 1961], *Thơ Nicolas Guillen* trong tuyển tập *Thơ Angieri – Cuba* [Nxb. Văn học, Hà Nội, 1961] hay

\*Liên hệ: fantuananh@gmail.com

Nhận bài: 07-11-2018; Hoàn thành phản biện: 09-11-2018; Ngày nhận đăng: 12-11-2018

tiểu thuyết *Những con đường đói khát* – Jorge Amado do Huy Phương dịch [Nxb. Văn học, Hà Nội, 1960]. Tuy nhiên, ta cũng cần chú ý rằng những tác phẩm và tác gia đầu tiên được dịch dù thuộc về khu vực văn học Mỹ La tin nhưng chưa hẳn thuộc về trào lưu chủ nghĩa hiện thực huyền ảo mà thực chất là thuộc chủ nghĩa hiện thực. Những bản dịch tiếp sau đó như các tiểu thuyết *Bectiliôn 166* – K.S. Puigo do Đức Ngọc dịch [Nxb. Văn học, Hà Nội, 1962]; *Những người phu đồn gỗ* – B.Toravon do Sơn Hình, Hải Lý dịch [Nxb. Văn học, Hà Nội, 1963]; *Năm người im lặng* – M.O. Silva do Vũ Chính dịch [Nxb. Văn học, Hà Nội]... dẫu ít nhiều có yếu tố huyền ảo, nhưng vẫn chưa thực sự thuộc về trào lưu này.

Ở Việt Nam, tác gia hiện thực huyền ảo được tiếp nhận trên phương diện nghiên cứu và dịch thuật sớm nhất có lẽ là Franz Kafka. Ngay từ những năm thập niên 1950, ở miền Nam người ta đã biết đến và đọc Kafka. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng, trong quá trình tiếp nhận Kafka ở miền Nam trước 1975, ý niệm về chủ nghĩa hiện thực huyền ảo với tư cách là một trào lưu nghệ thuật lớn vẫn chưa ra đời ở Việt Nam. Thậm chí, nhiều nhà nghiên cứu cho đến nay vẫn không chịu chấp nhận Kafka là ông tổ khai sinh ra văn học hiện thực huyền ảo. Do đó, về trường hợp này chúng tôi sẽ quay lại trong một nghiên cứu độc lập khác.

Trừ Kafka, sớm nhất trong các tác phẩm thuộc chủ nghĩa hiện thực huyền ảo được tiếp nhận vào Việt Nam, phải kể đến sự kiện xuất bản tiểu thuyết *Ngài tổng thống* – M.A.Asturias do Đặng Thế Bình và Vũ Cận dịch [Nxb. Văn học, Hà Nội, 1964]. Asturias là một trong những trường tràng của chủ nghĩa hiện thực huyền ảo Mỹ Latin. Ông cũng vinh dự đoạt giải Nobel văn chương năm 1967 nên tầm ảnh hưởng có tính toàn cầu. *Ngài tổng thống* viết về nạn đói tài tàn bạo ở Mỹ Latin có thể được xem là tác phẩm lớn của trào lưu hiện thực huyền ảo. Cho đến năm 1986, nhiều tác phẩm lớn của nhà văn Guatemala đã được chuyển ngữ như bộ ba *Đông tố*, *Giáo hoàng xanh* và *Mất những người đã khuất* do dịch giả Ngô Vĩnh Viễn và Nguyễn Vĩnh chuyển ngữ [Nxb. Văn học, Hà Nội, 1986]. Như vậy, tác gia Asturias là người khai mở cho tiến trình dịch thuật văn học hiện thực huyền ảo ở Việt Nam.

Sự bùng nổ về dịch thuật tác phẩm hiện thực huyền ảo ở nước ta thực ra chỉ được đánh dấu từ thập niên 80 của thế kỷ XX trở đi, khi những điều kiện xã hội, chính trị, ngoại giao, văn nghệ đã đến lúc chín muồi. Trước Đổi mới vài năm, sự bùng phát dịch thuật hiện thực huyền ảo (Mỹ Latin) được khởi động, và sau Đổi mới (1986) mới thực sự đạt đến đỉnh cao với vai trò quan trọng của dịch giả Nguyễn Trung Đức. Trong suốt sự nghiệp, Nguyễn Trung Đức đã dịch gần 35 tác phẩm văn học Mỹ Latin (14 tiểu thuyết), trong đó đa số đều thuộc về chủ nghĩa hiện thực huyền ảo. Tác phẩm đầu tay về hiện thực huyền ảo được Nguyễn Trung Đức thực hiện là *Sự tráo trở của phương pháp* – Alejo Carpentier [Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội, 1981]. Theo Đào Tuấn Ảnh, tác phẩm cuối cùng được ông dịch là *Mùa thu của trường lão* – Márquez (năm 2000). Tiếc là cho đến nay, chúng tôi vẫn chưa tìm ra được bản dịch này dưới bất kì hình thức nào cho dù đã trực tiếp trao đổi với Đào Tuấn Ảnh, Lê Huy Bắc, Phạm Xuân Nguyên... những người

đương thời thân thiết với dịch giả Nguyễn Trung Đức. Việc bản dịch *Sự tráo trở của phương pháp* được xuất bản rộng rãi đánh dấu cho thời kì hoàng kim của văn học hiện thực huyền ảo ở Việt Nam. Đào Tuấn Ảnh nhận định: “*Sự tráo trở của phương pháp* hé mở cho độc giả Việt Nam vốn quen với những tác phẩm “đơn tuyến”; “đơn tính” kiểu “ta vừa thông minh vừa tốt, địch vừa ngu vừa xấu”, một chân trời văn chương mới, lạ lẫm, khó hiểu, song đầy sức hấp dẫn” [4, tr. 310].

Năm 1984, Nguyễn Trung Đức cùng sự cộng tác của Nguyễn Mạnh Tú công bố tập truyện ngắn *Ngài đại tá chò thư* vốn là những tác phẩm của G.G. Márquez. Đỉnh cao của quá trình dịch thuật văn học Mỹ Latin phải kể đến mốc 1986 – đúng năm Đổi mới, Nguyễn Trung Đức cùng các cộng sự như Phạm Đình Lợi, Phạm Quốc Dũng đã công bố bản dịch siêu phẩm *Trăm năm cô đơn* của Márquez. Sự xuất bản tiểu thuyết này đã tạo ra chấn động lớn đối với làng văn và làng xuất bản trong nước. Tự nhận mình là “con khi” của G.G. Márquez – Nguyễn Trung Đức khiêm nhường nhưng miệt mài chuyển ngữ gần như toàn bộ sự nghiệp của đại văn hào Colombia ra tiếng Việt. Tinh thần và nỗ lực làm việc của ông thật đáng ngạc nhiên, khi gần như mỗi năm đều cho ra đời một dịch phẩm. Nguyễn Trung Đức nhanh chóng trở thành dịch giả hàng đầu của làng văn trong nước, nhà của ông như bạn bè nhớ lại, gần như trở thành câu lạc bộ văn chương của những người cấp tiến. Dịch giả Nguyễn Trung Đức từng lặn lội sang tận Colombia để gặp thần tượng Márquez, tiếc cho ông là nhà văn đang ốm nặng nên cuộc hội ngộ không thành hiện thực.

## 2. Sự bùng nổ thị trường sách “đầu nậu” và vai trò thúc đẩy dịch thuật chủ nghĩa hiện thực huyền ảo ở Việt Nam

Lịch sử dịch thuật chủ nghĩa hiện thực huyền ảo ở Việt Nam đã trải qua nhiều khúc quanh đáng chú ý. Những khúc quanh này liên đới đến tổng thể toàn bộ nền xuất bản văn học nước nhà, chứ không đơn thuần là câu chuyện của một trào lưu văn chương. Có thể thấy những năm thập niên 80 hay 90 của thế kỷ trước, khi luật bản quyền và công ước Berne (về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật) còn là thứ vô cùng xa lạ và xa xỉ ở Việt Nam, các tác phẩm hiện thực huyền ảo được liên tục dịch, tái bản và cả in lậu đã **mở màn cho sự ra đời của thị trường sách dịch nói riêng**, và thị trường văn học Việt Nam nói chung. Cơ chế in ấn tác phẩm văn học nước ngoài của giai đoạn trước thập niên 1980 ở Việt Nam rất đặc thù, khác hẳn với giai đoạn hiện nay. Thứ nhất là sách chỉ cần có một bản dịch tốt là có thể xuất bản, bất kể có bản quyền hay không. Thứ hai là thông thường sách in theo kế hoạch được phân bổ từ trước của các nhà xuất bản do Cục xuất bản cấp. Do đó, số lượng sách in ra thường vô cùng lớn so với hiện nay (từ 10.000 bản trở lên, hiện nay một tác phẩm thông thường chỉ in khoảng 1000 bản, hiếm có tác phẩm nào trên 2000 bản) vì các nhà xuất bản không cần lo đầu ra và mọi sách in gần như đều được bao tiêu hết. Ta có thể thấy một số ví dụ như *Pêdrô Paramô* của Hoan Runphô được

Nxb. Mũi Cà Mau in đến 30.000 bản vào năm 1987 (dịch giả Nguyễn Trung Đức); *Đônha Bacbara* của Rômulô Gadêgôx được Nxb. Tổng hợp Phú Khánh tái bản năm 1986 với 50.200 bản (dịch giả Bành Phúc Long, Nguyễn Đình Hiền); *Thế kỷ ánh sáng* của Alêhô Căpentiê được Nxb. Tác phẩm mới in 9.650 cuốn vào năm 1986; *Mắt những người đã khuất* (2 tập) của M.A. Axturiac) được Nxb. Văn học in 20.000 bản (2 tập thành 40.000 quyển) năm 1986 (dịch giả Ngô Vĩnh Viễn); *Lửa và hủi* của A.R. Baxtôt được Nxb. Tác phẩm mới in 25.100 bản vào năm 1982 (dịch giả Nguyễn Vĩnh và Trịnh Như Lương); *Thơ Pablô Nêruđa* của P.Neruda do Nxb. Văn học in 10.200 bản năm 1974 (dịch giả Đào Xuân Quý)... Sự bùng nổ của các bản dịch tác phẩm hiện thực huyền ảo Mỹ Latin đã cho thấy sự hào hứng của giới độc giả trong nước, sự coi mò của giới lãnh đạo văn nghệ đối với trào lưu văn học này. Cho đến nay, quá trình bùng nổ in ấn các dịch phẩm về văn học hiện thực huyền ảo Mỹ Latin vẫn còn có thể kiểm chứng. Dẫu đã gần 30 năm trôi qua, nhưng nếu bạn đọc bỏ chút thời gian thăm viếng các hiệu sách cũ/cổ, đặc biệt là các hiệu sách cũ/cổ nổi tiếng ở các thành phố lớn, chúng ta sẽ thấy số lượng ấn bản áp đảo thuộc văn học hiện thực huyền ảo (Mỹ Latin) được in với số lượng khổng lồ trong giai đoạn này vẫn còn được lưu trữ lại. Các nền văn học lớn, có truyền thống ảnh hưởng đến văn học Việt Nam như Liên Xô (Nga), Trung Quốc, Pháp... trong giai đoạn thập niên 80, 90 (thế kỷ XX) – tức là từ Đổi mới trở đi đều hoàn toàn bị lép vế trước văn học hiện thực huyền ảo Mỹ Latin.

Các sách dịch phẩm hiện thực huyền ảo Mỹ Latin ban đầu nhìn chung không được kinh doanh trên thị trường do thị trường sách thập niên 80 vẫn còn được Nhà nước bao cấp. Các dịch phẩm này sau khi in được chuyển vào các thư viện, đưa về cho trường học và các đơn vị sản xuất, hoặc tuồn ra ngoài bán. Cuối thập niên 90, các đầu nậu sách/người bỏ mồi bắt đầu xuất hiện – đây còn được gọi là giai đoạn “bung ra” của thị trường sách. Họ tổ chức in lậu trên thị trường những sách bán chạy kiểu international bestseller, thông thường chọn sách kinh điển, truyện chường (kiểu Kim Dung), truyện trinh thám hình sự (kiểu *Bố già* của Mario Puzo), truyện kỳ ảo (kiểu *Bá trước Dracula* của A.Stoker), truyện tình yêu (kiểu Quỳnh Dao), và đặc biệt là những tác phẩm hiện thực huyền ảo được mẫn mộ. Theo Đoàn Ánh Dương: “Tất cả kéo dài chỉ vùn vèn trong vòng hai đến ba năm, làm thay đổi toàn bộ diện mạo xuất bản sách ở Việt Nam. Giới phát hành sách tại Hà Nội đến nay còn lưu truyền một quán ngữ xác định vị thế của các “đầu nậu” này: *Nhất Bách nhì Quý tam Miên tứ Huyền*” [3, tr. 110]. Vận hành xuất bản ở nửa phía Nam đất nước cũng có chung một quy cách như thế. Bỏ qua những tác động tiêu cực như in sách chất lượng kém, dịch qua loa, chọn những tác phẩm ít tính nghệ thuật để nghiêng về tính giải trí, chúng ta không thể phủ nhận vai trò lớn của các đầu nậu sách trong **việc hình thành thị trường sách ở Việt Nam**. Sự bùng nổ của sách dịch, với vai trò chủ thể của các đầu nậu sách ở thập niên 90 thế kỷ XX có tác động lớn đến thị trường sách đến nỗi các nhà văn, nhà lý luận văn học hàn lâm từng phải tổ chức một hội thảo khoa học lớn rồi cùng ký đơn để... cảnh báo và kêu gọi chinh huấn. Tháng 3 năm 1989, *Báo Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh* tổ chức Hội thảo về tình hình xuất bản sách (dịch), sau đó có 16 nhân sĩ trí thức nổi tiếng cùng ký đơn gửi

nhiều cơ quan ban ngành có chức trách kiểm duyệt văn chương như: Ban Tuyên giáo trung ương, Ban Văn hóa Văn nghệ trung ương, Bộ Văn hóa, Bộ Thông tin, Ban thường vụ thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh... đề nghị kiểm soát văn học dịch và hạn chế các nhà xuất bản ấn hành văn học dịch. Họ đưa ra con số văn học dịch (chủ yếu là văn học hiện thực huyền ảo) đang chiếm đến 90% thị trường sách, trong khi văn học Việt Nam chỉ chiếm 10%. Do đó, nền văn học nước nhà đứng trước sức ép khủng khiếp, tạo ra nguy cơ xói mòn văn hóa dân tộc, vãn đục thị hiếu thẩm mỹ của độc giả (!). Từ đó, họ đề nghị thành lập một Ủy ban nhằm kiểm soát sách dịch mới và cả tái bản. Ngày nay, những kiến nghị này là khôi hài, nhưng nó cũng phần nào cung cấp cho chúng ta thêm dữ liệu về sự phát triển khủng khiếp của thị trường sách dịch văn học nước ngoài một thời, cũng như sự mâu thuẫn, đung đưa giữa tư duy phát hành sách bao cấp với cơ chế phát hành sách thị trường của các đầu nậu.

*Trăm năm cô đơn* (G.G.Márquez) là tác phẩm điển hình nhất trong quá trình các đầu nậu sách thao túng đời sống xuất bản văn học Việt Nam giai đoạn đầu. Ấn phẩm dịch của cuốn tiểu thuyết này được bạn đọc cả nước hào hứng yêu mến tìm đọc, nên từng một thời giúp nhiều trùm đầu nậu sách trở nên giàu có một cách nhanh chóng. Sự ấn hành rộng rãi của *Trăm năm cô đơn* ở Việt Nam có thể nói đã góp phần quan trọng cho việc hình thành thị trường sách theo quy luật cung – cầu của độc giả, vượt lên khỏi cơ chế “xin – cho” bao cấp như trước đây. Bản dịch đầu tiên của *Trăm năm cô đơn* do Nguyễn Trung Đức và cộng sự (Phạm Đình Lợi và Nguyễn Quốc Dũng) thực hiện năm 1986 – ngay năm mở màn của quá trình Đổi mới, ban đầu được in với số lượng khá “khiêm tốn” là 10.000 bản. Sau đó, do nhu cầu của bạn đọc quá lớn, các đầu nậu sách đã liên tục in nổi bản, in lậu cuốn tiểu thuyết này với số lượng chính xác là bao nhiêu thì không ai dám đưa ra con số cụ thể. Nhà phê bình TS. Đoàn Ánh Dương (Viện văn học – Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam) có thông tin thêm cho tôi cho biết bản *Trăm năm cô đơn* đầu tiên in năm 1986 thực ra được chia ra hai phiên bản để in ở miền Nam và miền Bắc với hai kiểu bìa khác nhau và chất lượng giấy in cũng khác nhau. Bản ở miền Nam được in với số lượng nhiều hơn, lên đến hai con số ngàn (trên 10.000 bản), còn ở miền Bắc được in ít hơn. Việc in sách ở miền Nam, theo Đoàn Ánh Dương, do Mai Quốc Liên thực hiện; ở miền Bắc, theo TS. Nguyễn Anh Vũ (Giám đốc Nxb. Văn học), do “đầu nậu” Trần Hoàng Bách thực hiện. Ông Bách là bạn thân của dịch giả Nguyễn Trung Đức.

### **3. Dịch thuật chủ nghĩa hiện thực huyền ảo ở Việt Nam – những thành tựu và sự cố văn chương**

Lịch sử dịch thuật văn học hiện thực huyền ảo Mỹ Latin có nhiều sự kiện vô cùng đặc biệt, **đánh dấu cho tính chất và quan niệm quản lý văn học giai đoạn giao thời**. Sự cố bản dịch cuốn tiểu thuyết *Tình yêu thời thổ tả* của Márquez bị thu hồi để nghiên cứu thành bột giấy là một sự kiện văn chương gọi ra nhiều suy ngẫm. *Tình yêu thời thổ tả* được các nhà nghiên cứu trên thế

giới đánh giá là “tác phẩm vĩ đại thứ hai của lịch sử văn chương thế giới khi viết về chủ đề tình yêu”, chỉ đứng ngay sau vở bi kịch kinh điển *Romeo và Juliet* của nhà soạn kịch vĩ đại thời Phục hưng William Shakespeare. *Tình yêu thời thổ tả* tưởng chừng như sẽ trở thành một bom tấn mới trong đời sống xuất bản văn học nước nhà bởi nhiều lý do và tiền đề rõ ràng. Thứ nhất, bản dịch *Tình yêu thời thổ tả* do dịch giả lừng danh Nguyễn Trung Đức thực hiện; ông là dịch giả hàng đầu về văn học Mỹ Latin ở Việt Nam. Nguyễn Trung Đức từng đoạt nhiều giải thưởng dịch thuật uy tín, nhất là sau thành công vang dội của dịch phẩm *Trăm năm cô đơn* năm 1986.

Nguyễn Trung Đức không đơn thuần là một người chuyên ngữ, ông còn là nhà nghiên cứu, nhà phê bình văn học đáng tin cậy với nhiều bài viết đầy tính khoa học. Nhà thơ Thanh Thảo nhận định: “Nguyễn Trung Đức đã làm được một việc lớn hơn cả việc một dịch giả làm được. Anh không chỉ dịch mà còn giới thiệu, không chỉ giới thiệu mà còn hệ thống, làm bật sáng những nét cơ bản của chủ nghĩa hiện thực huyền ảo mà Márquez chủ xướng” [7]. Ông có 19 năm (1981–2000) hoạt động miệt mài trong dịch thuật, cho đến tận khi mất vì bệnh ung thư năm 2001. Nhà nghiên cứu Phan Trọng Thuồng – nguyên Viện trưởng Viện văn học từng đánh giá chính xác: “Trước khi tác phẩm văn học của Márquez được dịch, độc giả Việt Nam chưa biết đến ông, văn học Mỹ La tinh, hay văn học chủ nghĩa hiện thực huyền ảo – nét đặc sắc của nền văn học này. Chỉ đến khi các tác phẩm của nhà văn Márquez được dịch mà Nguyễn Trung Đức là một trong những người có công đầu, văn học Mỹ La tinh mới được giới thiệu rộng rãi tới độc giả Việt Nam; lúc đó thủ pháp chủ nghĩa hiện thực huyền ảo cũng mới được phổ biến. Nguyễn Trung Đức vừa là dịch giả, vừa là nhà nghiên cứu. Trong quá trình dịch, ông kết hợp giữa tri thức văn học và tri thức cuộc sống. Có thể nói ông là một trong những dịch giả hàng đầu của văn học Mỹ La tinh” [7].

Nguyễn Trung Đức cũng đang công tác tại Viện văn học uy tín (từ năm 1974 đến khi mất vì bệnh tật) khi tiến hành dịch *Tình yêu thời thổ tả*. Di sản dịch thuật của Nguyễn Trung Đức rất đồ sộ, với hàng loạt tác gia lớn của trào lưu hiện thực huyền ảo như G.G. Márquez, J.L. Borges, A. Carpentier, Joan Rulfo, O.Paz... Chỉ tính riêng đại văn hào G.G.Márquez, Nguyễn Trung Đức cũng đã có một di sản đồ sộ với 7 tiểu thuyết và 50 truyện ngắn. Gần như một tay Nguyễn Trung Đức đã đưa các dịch phẩm chủ nghĩa hiện thực huyền ảo nói chung và G.G.Márquez nói riêng vào Việt Nam. Trong khi những dịch giả khác chuyên ngữ từ tiếng Nga, Anh, Pháp... tức là không tận nguồn, Nguyễn Trung Đức dịch được nguyên bản tiếng Tây Ban Nha. Ngôn ngữ này, từ xưa đến nay ở Việt Nam luôn là hàng hiếm, kén dịch giả. Ngoài ra, Nguyễn Trung Đức còn có những bài phỏng vấn độc quyền, thư từ cá nhân trực tiếp với các nhà văn hiện thực huyền ảo Mỹ Latin, điều này lại càng khẳng định vị thế uy tín của ông. Văn phong dịch thuật của Nguyễn Trung Đức luôn đầy chất thơ, ông như một người thợ kim hoàn về từ ngữ. Bản dịch *Trăm năm cô đơn* xứng đáng là một trong những kiệt tác dịch thuật văn học nước ngoài ở Việt Nam, tính trong mọi giai đoạn giao lưu với thế giới văn học bên ngoài. PGS.TS. Đào Tuấn Anh – một người bạn cố tri cùng thời với Nguyễn Trung Đức từng tâm sự đôi khi dịch giả mất

đến 3 ngày trời mới tìm được một câu như ý. Nhà thơ Thanh Thảo thì nhớ lại: “Tôi còn nhớ một câu văn của Marquez được Nguyễn Trung Đức dịch đi dịch lại nhiều lần, cho kỳ tới lúc anh hoàn toàn ưng ý: “Hãy dạng háng ra, hôi những con bò cái, vì đời ngắn ngủi lắm!”. Một câu văn thể hiện hết chất “bụi” của Márquez cũng như sự lẩn lộn từng trải với ngôn ngữ đời sống Việt của dịch giả Nguyễn Trung Đức. Một câu văn bỗ bã như thế mà nếu đọc kỹ, lại ngân lên một nỗi buồn sâu thẳm. G.G.Márquez là vậy đó. Và Nguyễn Trung Đức cũng là vậy đó.” [7]

Thứ hai, dịch phẩm *Tình yêu thời thổ tả* được thực hiện trong hoàn cảnh quá trình tiếp nhận chủ nghĩa hiện thực huyền ảo nói chung và văn học Mỹ Latin ở Việt Nam đang đến hồi hoàng kim, cực thịnh. Bạn đọc cả nước nhiệt thành tiếp nhận trào lưu này như một khát vọng đổi mới nền văn học “phải đạo” vốn dĩ trước đó bị xơ cứng. Hơn nữa, bản dịch tiểu thuyết này được hoàn tất vào năm 1987 sau khi Márquez đoạt giải Nobel văn chương (1982). Văn chương của ông được tôn sùng và đón nhận trên toàn thế giới. Márquez được chào đón nhiệt liệt ở Việt Nam do những hoàn cảnh lịch sử đặc thù, liên đới đến chính trị, ngoại giao chứ không thuần túy văn chương. Nhà văn người Colombia, như chúng ta đều biết, là một chiến sĩ cách mạng cánh tả chống Mỹ nhiệt thành. Ông kiên quyết đứng về phía các nước thứ ba như Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống thế giới tư bản đế quốc. Ngoài ra, Gabito (biệt danh Márquez) còn là người bạn chí thân với lãnh tụ Fidel Castro của cách mạng Cuba – người sẵn sàng hiến dâng cả máu của mình cho cách mạng Việt Nam. Márquez cũng là nhà văn thế giới vĩ đại và hiếm hoi từng đến thăm Việt Nam vào năm 1979 và có cuộc gặp gỡ lịch sử với các nhà văn nổi tiếng của Việt Nam như Nguyễn Văn Bổng, Đào Vũ, Phạm Hồ tại trụ sở báo *Văn nghệ*. Trên tờ *The Paris Review*, Márquez từng tâm sự rằng Việt Nam là một chủ đề yêu thích của ông và ông thực tế đã viết về đất nước này. Tiếc là cho đến nay, trong tầm hiểu biết hạn hẹp của chúng tôi, Márquez chưa viết gì về Việt Nam trên địa hạt văn học và thái độ của ông với đất nước chúng ta vẫn còn là điều bí ẩn. Bài báo nói trên cụ thể thế nào tôi cũng chưa tìm ra, mà chỉ dựa vào nội dung bài báo của tác giả Mi Ly (báo *Thể thao và văn hóa*) [6].

Thế nhưng, sự cố dịch thuật *Tình yêu thời thổ tả* năm 1987 vẫn diễn ra. Bản dịch đầy công phu và tài hoa của Nguyễn Trung Đức bị thu hồi và buộc phải nghiền thành bột giấy nhằm gỡ gạc lại chút kinh phí của những “đầu nậu” lỗ bỏ ra để đầu tư. Sự kiện này mang tính “vụ án văn học” ở giai đoạn đầu Đổi mới. Nó biểu hiện cho định lý **không có quá trình tiếp nhận văn học phương Tây (hậu) hiện đại nào là dễ dàng, và không ít nhiều gánh chịu bất hạnh ở Việt Nam**. Tôi sẽ phân tích kỹ hơn sự cố này ở một tiểu luận khác. Ở đây chỉ xin tạm đưa ra kết luận, những bản dịch văn học nước ngoài, nhất là tác phẩm của trào lưu văn học (hậu) hiện đại luôn là sự thử thách, thử sai cho những cuộc kiểm thảo văn chương ở Việt Nam. Dịch giả cũng như nhà xuất bản luôn phải lựa chọn giữa nan đề: cần làm ra một tác phẩm chất lượng, bán được và thiếu an toàn hay lựa chọn một tác phẩm an toàn nhưng ít cách tân, đổi mới để bao cấp cho thị trường văn học? Thái độ và quan điểm đánh giá văn chương của các cấp quản lý với bản dịch sẽ góp phần định hình diện mạo văn học nước nhà. Quan điểm càng tiến bộ, cởi mở, tôn trọng

cái khác, văn chương sẽ càng phát triển và ngược lại. Thời gian đã cho thấy ngày nay bản dịch *Tình yêu thời thổ tả* đã được tái bản nhiều lần (từ năm 1995), đây hoàn toàn là một kiệt tác không có vấn đề gì về tư tưởng và nghệ thuật để có thể cấm đoán.

Lịch sử dịch thuật chủ nghĩa hiện thực huyền ảo ở Việt Nam còn biểu trưng cho một tính chất khác của thời Đổi mới: **tính đa ngữ**. Chúng ta có thể thấy các tác phẩm văn học được chuyển ngữ thuộc trào lưu này rất phong phú, đa dạng từ ngôn ngữ nguồn (của bản dịch). Tác gia văn học huyền ảo thông thường chỉ sáng tác trên một ngôn ngữ, Kafka viết bằng tiếng Đức, H.Murakami viết bằng tiếng Nhật, Márquez viết bằng tiếng Tây Ban Nha, T.Morrison viết bằng tiếng Anh... Tuy nhiên, tình hình dịch thuật những tác gia này ra tiếng Việt lại rất đa dạng về ngôn ngữ, có cả tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Pháp, tiếng Rumani, tiếng Hungari, tiếng Nga... Tức là tùy vào khả năng ngôn ngữ của người dịch mà người ta lựa chọn những bản tác phẩm nguồn khác nhau, chứ không dựa vào nguyên tác của tác giả viết bằng thứ tiếng gì.

Chúng tôi chỉ xin đơn cử một trường hợp tác gia hiện thực huyền ảo tiêu biểu, có sự nghiệp gần như toàn vẹn đã được chuyển ngữ ở Việt Nam, đó là H.Murakami. Quan điểm xếp tác gia này vào chủ nghĩa hiện thực huyền ảo được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới chia sẻ. Tiêu biểu ta có thể kể đến ý kiến của Matthew C.Strecher ("*Magical Realism and Search for Identity in the Fiction of Murakami Haruki*", *Journal of Japanese Studies*, 25.2 (1999): 263-98) và Morten Oddvik (trong *Murakami Haruki and Magical Realism – A look at the Psyche of Modern Japan*, Đại học Waseda, Tokyo).

Chúng ta đều biết Murakami sáng tác chủ yếu bằng tiếng Nhật. Tuy nhiên, trên thực tế các bản dịch ở Việt Nam lại được chuyển ngữ từ nhiều nguồn ngôn ngữ khác nhau, rất đa dạng. Tác phẩm của Haruki Murakami được dịch gần như trọn vẹn sự nghiệp ở Việt Nam, với công lao đáng ghi nhận của công ty truyền thông Nhã Nam. Nguồn ngôn ngữ được chọn để dịch rất phong phú: các tập truyện ngắn *Đom đóm*, *Ngày đẹp trời để xem Kangaroo*, *Sau cơn động đất*, *Bóng ma ở Lexington*, *Người tivi* do Phạm Vũ Thịnh dịch từ tiếng Nhật [Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2006, 2006, 2006, 2007, 2007]; tiểu thuyết *Kafka bên bờ biển* do Dương Tường dịch từ tiếng Anh, có tham khảo bản tiếng Pháp [Nxb. Văn học và Nhã Nam, Hà Nội, 2007]; tiểu thuyết *Sau nửa đêm* do Huỳnh Thanh Xuân dịch từ tiếng Nhật [Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2007]; tiểu thuyết *Người tình Sputnik* do Ngân Xuyên dịch từ tiếng Anh [Nxb. Hội Nhà văn và Nhã Nam, Hà Nội, 2008]; tiểu thuyết phi hư cấu *Ngâm* do Trần Đình dịch từ tiếng Anh [Nxb. Văn hóa Sài Gòn và Nhã Nam, Hà Nội, 2009]; tiểu thuyết *Biên niên ký chim vặn dây cót* do Trần Tiến Cao Đăng dịch từ tiếng Anh, có tham khảo bản tiếng Nga [Nxb. Hội Nhà văn và Nhã Nam, Hà Nội, 2009]; tiểu thuyết *Xứ sở diệu kỳ tàn bạo và chốn tận cùng thế giới* do Lê Quang dịch từ tiếng Đức [Nxb. Hội Nhà văn và Nhã Nam, Hà Nội, 2010]; tiểu thuyết *Cuộc săn cừu hoang* do Minh Hạnh dịch từ tiếng Anh [Nxb. Văn học và Nhã Nam, Hà Nội, 2011]; tiểu thuyết *Nhảy, nhảy, nhảy* do Trần Văn Anh dịch từ tiếng Anh [Nxb. Hội Nhà văn và Nhã Nam, Hà Nội, 2011]; tập ghi chép



*Tôi nói gì khi tôi chạy bộ* do Thiên Nga dịch từ tiếng Anh [Nxb. Hội Nhà văn và Nhã Nam, Hà Nội, 2011]; tiểu thuyết *Phía Nam biên giới, phía Tây mặt trời* do Cao Việt Dũng dịch từ tiếng Pháp [Nxb. Hội Nhà văn và Nhã Nam, Hà Nội, 2011]; tiểu thuyết *1Q84* do Lục Hương dịch từ bản tiếng Trung [Nxb. Hội Nhà văn và Nhã Nam, Hà Nội, 2012]; tiểu thuyết *Tazaki Tsukuru không màu và những năm tháng hành hương* do Uyên Thiễm dịch từ tiếng Nhật [Nxb. Hội Nhà văn và Nhã Nam, Hà Nội, 2014]; tập truyện ngắn *Những người đàn ông không có đàn bà* do Trương Thùy Lan dịch từ tiếng Nhật [Nxb. Hội Nhà văn và Nhã Nam, 2015]; tiểu thuyết *Rừng Na Uy* do Trịnh Lữ dịch từ tiếng Anh [Nxb. Hội Nhà văn và Nhã Nam, Hà Nội, 2015 – tái bản]; tiểu thuyết *Lắng nghe gió hát* do Nguyễn Hồng Anh dịch từ tiếng Nhật [Nxb. Hội Nhà văn và Nhã Nam, Hà Nội, 2018].

Như vậy, dù Murakami chỉ viết bằng tiếng Nhật, hoặc sau này là tiếng Anh, nhưng những lựa chọn nguồn tác phẩm để dịch của các dịch giả thật đa dạng: tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Hoa, Nhật... Trong quá trình dịch, họ cũng công khai thừa nhận và đối chiếu lẫn nhau giữa các bản dịch (thuộc về các ngôn ngữ khác nhau) nhằm hiểu rõ tác phẩm gốc, và xem bản dịch nào chính xác hơn với nguyên tác. Chính tính đa ngữ này đã tạo nên một nền dịch thuật đa màu/bản sắc, đa văn hóa bởi vì một ngôn ngữ được chọn dịch bao giờ cũng chuyển tải tinh thần văn hóa riêng. Những hạn chế là dễ nhận ra, nhưng lợi điểm là điều chúng ta không nên phủ định. Hệ quả này chỉ có được trong một bối cảnh văn học giao lưu toàn cầu rộng rãi. Đất nước cũng đã sản sinh một thế hệ dịch giả tài năng, trẻ trung và đa ngữ – đó đều là kết quả có được từ Đổi mới. Nó báo hiệu cho một tương lai tiếp nhận văn học nước ngoài nói chung rất sáng sủa ở Việt Nam.

### Tài liệu tham khảo

1. Phan Tuấn Anh (2015), *Gabriel García Márquez và nỗi cô đơn huyền thoại*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
2. Lê Huy Bắc (2009), *Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo & Gabriel García Márquez*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
3. Đoàn Ánh Dương (2015), *Văn học Việt Nam giai đoạn 1986 – 2000: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ bảo vệ tại Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Trần Thái Học (chủ biên) (2014), *Văn chương & tiếp nhận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
5. Trịnh Lữ, “Chi cần là sự thật”,  
<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=7525&rb=07>, Truy cập ngày 27-10-2018.
6. Mi Ly, “Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều: Garcia Marquez cảnh báo chúng ta về tương lai”,  
<https://thethaovanhoa.vn/tin-hot-24h/nha-tho-nguyen-quang-thieu-garcia-marquez-canh-bao-chung-ta-ve-tuong-lai-n20140420022821923.htm>, Truy cập ngày 27-10-2018.
7. Thanh Thảo, “Người đưa G.G.Márquez tới Việt Nam”,

<https://thanhvien.vn/van-hoa/nguoi-dua-ggmarquez-toi-viet-nam-316925.html>, Truy cập ngày 27-10-2018.

8. Phạm Quang Trung (2011), “Văn xuôi mới Mỹ La tinh”, *Tạp chí Văn học nước ngoài*, số 8.
9. Viện thông tin khoa học xã hội (1999), *Văn học Mỹ Latin*, Thông tin khoa học Xã hội, Hà Nội.
10. Tô Nhuận Vỹ (2014), *Bản lĩnh văn hóa*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

## TRANSLATION OF MAGIC REALISM IN VIETNAM – CHARACTERISTICS AND ACHIEVEMENTS

Phan Tuan Anh

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

**Abstract.** Vietnamese literature has experienced the Doi Moi (Renovation) period since 1986. One of the achievements and motivations of literary innovation in this period was the process of magic realism’s reception. Literary translation has played an extremely important role in magic realism’s reception as well as all other Western literary movements. Translation is considered as the first “catalyst” and “intermediary factor” for Vietnamese readers and writers to get into the reception of the magic realism in the world. This paper explores the development of translation of magical realism works in Viet Nam, from the 1960s to present, including the translators and various important translated fictions. Throughout that process, the paper will clarify the advantages and remarkable achievements, as well as the missed opportunities. A couple of translation problems related to the cultural context and the literary management mechanism in the past will also be analyzed in this paper. All of the factors mentioned above are closely related to the new publishing conditions established at the end of the twentieth century.

**Keywords.** magic realism, translation, Vietnamese literature in the Doi Moi (Renovation) periods